TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2026/LĐ-ST
Ngày 11-3-2026
V/v Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Pham Minh Thuận.

2. Ông Lương Thanh Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Trần Hoàng Trung Tính- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** **khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh** ***tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2026/TLST-LĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Dương Thị D, sinh năm 1992; nơi thường trú: ấp Thuận Đ, xã Gành H, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: đường D12, tổ 12, ấp S, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Q; địa chỉ trụ sở: khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Y, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị Lệ T, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 4, khu phố 5, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, văn bản ủy quyền ngày 09/12/2025, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội cơ sở B; địa chỉ: QL 13, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K – Chức vụ: Giám đốc, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025, bản tự khai ngày 09/12/2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Dương Thị D trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2024, bà D làm việc tại nhiều công ty khác nhau nhưng không có làm việc tại Công ty TNHH Q cũng như không có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q.

Bà D nghỉ việc vào tháng 10/2024, đến tháng 09/2025 bà D đến Bảo hiểm xã hội cơ sơ B để điều chỉnh thông tin cá nhân và số sổ bảo hiểm 9521972587 nhưng nhận được thông báo trực tiếp của nhân viên Bảo hiểm xã hội cơ sơ B về việc bà D có 01 thêm sổ bảo hiểm mã số: 7412074391 do Công ty TNHH Q tham gia bảo hiểm từ tháng 01/2012 đến tháng 08/2012 nên Bảo hiểm xã hội cơ sơ B không thể chỉnh sửa thông tin lại cho bà D. Vì vậy, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị D (do có người lấy thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng) với Công ty TNHH Q là vô hiệu để Bảo hiểm xã hội B hủy sổ bảo hiểm xã hội số 7412074391 đứng tên Dương Thị D sinh ngày 01/01/1992, CMND số: 385480214 do Công ty TNHH Q tham gia bảo hiểm cho bà D. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác và tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Q là bà Huỳnh Thị Lệ T trình bày:

Qua kiểm tra, Công ty còn lưu giữ bản chính Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Q và người lao động tên Dương Thị D, sinh năm 1992, số CMND là: 385480214 vào ngày 01/01/2012, loại hợp đồng thời hạn 12 tháng, mức lương chính 2.140.000 đồng/tháng cùng các chế độ làm thêm giờ, các khoản trợ cấp theo quy định. Từ tháng 01/2012 thì Công ty bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội cho bà D theo quy định đến tháng 10/2012, vào tháng 11/2012 thì bà D nghỉ việc nên Công ty cắt giảm bảo hiểm xã hội đối với người lao động tên là Dương Thị D. Công ty cũng không biết lý do vì sao bà D cho rằng bà không giao kết hợp đồng lao động với Công ty trong khoảng thời gian từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2012. Khi ký hợp đồng lao động, Công ty đã kiểm tra đầy đủ các giấy tờ của người lao động, do cũng không có nghiệp vụ nên không nhận biết được người ký kết hợp đồng lao động với Công ty thực chất có phải là bà Dương Thị D hay không, chỉ kiểm tra giấy tờ thấy đầy đủ. Mặt khác, khi Công ty tham gia bảo hiểm cho người lao động D theo quy định cũng không nghe các thông báo từ cơ quan bảo hiểm xã hội về việc có trùng thông tin tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Dương Thị D.

Công ty cũng không biết việc ai đã lấy thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng lao động. Với yêu cầu khởi kiện của bà D, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, Công ty không ý kiến vì hiện tại Công ty không còn

trách nhiệm, nghĩa vụ gì liên quan đến người lao động tên Dương Thị D.

Tại văn bản số 175/BHXH - QLT ngày 06/02/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B xác định quá trình tham gia bảo hiểm của người lao động Dương Thị D:

Công ty TNHH SNP đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho bà Dương Thị D, sinh ngày 01/01/1992, số CMND: 385480214, mã BHXH: 9521972587 từ tháng 4/2021 đến 10/2024;

Công ty TNHH Q đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho bà Dương Thị D, sinh năm 1992, số CMND: 385480214, mã BHXH: 7412074391 từ tháng 01/2012 đến 08/2012.

Bà Dương Thị D chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và BHTN của 02 sổ bảo hiểm mã số: 9521972587 và 7412074391. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bảo hiểm xã hội cơ sơ B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng Xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Bà Dương Thị D khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Q với bà Dương Thị D là vô hiệu. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy: Công văn số 175/BHXH –QLT ngày 06/02/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sơ B xác định: Công ty TNHH SNP đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho bà Dương Thị D, sinh ngày 01/01/1992, số CCCD; 095192002453, số sổ BHXH: 9521972587 quá trình và mức đóng bảo hiểm từ tháng 04/2021 đến tháng 10/2024 từ 5.070.000 đồng đến 7.218.000 đồng. Công ty TNHH Q đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Dương Thị D, sinh năm 1992, số chứng minh 385480214, số sổ BHXH 7412074391 quá trình và mức đóng bảo hiểm từ tháng 01/2012 đến 08/2012 là 2.140.000 đồng. Bà Dương Thị D chưa hưởng chế độ trợ cấp BHXH 1 lần và BHTN của 02 sổ BHXH: 9521972587 và 7412074391.

Công ty TNHH Q đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà Dương Thị D từ tháng 01/2012 đến tháng 08/2012 theo đúng quy định của pháp luật. Việc có 02 mã số đóng bảo hiểm của bà D làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà. Bản thân bà D

không biết người khác lấy thông tin cá nhân của mình để làm việc tại Công ty Q, do đó việc yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động vô hiệu là có căn cứ.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 9 Bộ Luật lao động năm 1994; Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hợp đồng lao động giữa bà Dương Thị D (do có người lấy thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng) và Công ty TNHH Q là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 18- Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH Q, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3] Đối với người sử dụng giấy tờ của nguyên đơn Dương Thị D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Dương Thị D xác định không cho ai mượn giấy tờ cá nhân của mình để xin việc làm tại Công ty TNHH Q nên Hội đồng xét xử không có căn cứ, thông tin để xác định tư cách tham gia tố tụng của người này trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH Q xác định có ký hợp đồng lao động với người lao động tên Dương Thị D vào ngày 01/01/2012, loại hợp đồng thời hạn 12 tháng, mức lương chính 2.140.000 đồng/tháng cùng các chế độ làm thêm giờ, các khoản trợ cấp theo quy định. Từ tháng 01/2012 thì Công ty bắt đầu đóng bảo hiểm xã hội cho bà D theo quy định cho đến khi bà D nghỉ việc. Trình bày của bị đơn phù hợp với thông tin cung cấp từ Bảo hiểm xã hội cơ sơ B, Công ty TNHH Q có đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động tên Dương Thị D từ tháng 01/2012 đến 8/2012. Do đó, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Q và người lao động tên Dương Thị D (do có người lấy thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng),

đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn Dương Thị D xác định không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian từ tháng 01/2012 đến 08/2012, cũng không biết ai sử dụng thông tin cá nhân của bà D để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2012 đến tháng 08/2012, nguyên đơn Dương Thị D không thực tế làm việc tại Công ty TNHH Q. Việc cá nhân khác sử dụng thông tin của nguyên đơn để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Q trong khoảng thời gian từ tháng 01/2012 đến 08/2012 là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động; vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Việc bà D có 02 sổ BHXH mã số: 9521972587 và sổ BHXH mã số: 7412074391 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà D trong việc giải quyết các chế độ về bảo hiểm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động mang tên Dương Thị D (do có người lấy thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng) với Công ty TNHH Q vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị D.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị D về việc "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Dương Thị D (do có người lấy thông tin cá nhân của bà D để giao kết hợp đồng) và Công ty TNHH Q là vô hiệu.

Người lao động có trách nhiệm liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Dương Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 18).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, NTS 10.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sang